

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	21611096	Lý Thị Hoài An	04/11/2003	Nữ	Quảng Bình	A2	B208
02	A2-002	22634007	Lê Tú Anh	04/07/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B208
03	A2-003	22612088	Nguyễn Hồng Anh	10/10/2004	Nam	Đắk Lắk	A2	B208
04	A2-004	23641430	Nguyễn Thị Dịu Anh	01/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B208
05	A2-005	22662053	Nguyễn Trâm Anh	30/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B208
06	A2-006	22611013	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	12/12/1999	Nữ	TP. HCM	A2	B208
07	A2-007	22631060	Vũ Thị Kim Anh	16/05/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B208
08	A2-008	22611055	Lương Trần Trâm Anh	16/01/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B208
09	A2-009	22611180	Trịnh Hồng Ánh	08/05/2004	Nữ	Kon Tum	A2	B208
10	A2-010	2117000887	Tạ Thị Bình	01/02/1999	Nữ	Hung Yên	A2	B208
11	A2-011	22661106	Trần Đức Bình	01/02/2003	Nam	Đắk Lắk	A2	B208
12	A2-012	22631274	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	09/03/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B208
13	A2-013	22635008	Trần Thị Kim Chi	09/06/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B208
14	A2-014	23600016	Nguyễn Thanh Dân Dân	10/09/2004	Nam	Đồng Tháp	A2	B208
15	A2-015	22635123	K' Đăng	29/08/2003	Nam	Đắk Nông	A2	B208
16	A2-016	22641323	Trần Hải Đăng	25/12/2025	Nam	An Giang	A2	B208
17	A2-017	22641035	Trương Minh Đăng	09/07/2002	Nam	Cà Mau	A2	B208
18	A2-018	22612114	Nguyễn Trọng Danh	19/07/2004	Nam	Ninh Thuận	A2	B208
19	A2-019	23641125	Lâm Nguyên Thanh Đào	26/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B208
20	A2-020	22641375	Nguyễn Thành Đạt	30/06/2004	Nam	TP. HCM	A2	B208
21	A2-021	23600135	Ngô Thị Hồng Diễm	15/03/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B208
22	A2-022	22631330	Lý Bảo Dinh	03/01/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B208
23	A2-023	22641701	Hồ Văn Đoàn	18/02/2004	Nam	Gia Lai	A2	B208
24	A2-024	22634031	Lưu Nữ Kim Đoạn	15/01/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B208
25	A2-025	22631055	Nguyễn Thị Kim Phương Dung	13/11/2001	Nữ	Long An	A2	B208
26	A2-026	22612096	Đặng Hoàng Duy	04/02/2003	Nam	Phú Yên	A2	B208
27	A2-027	22641409	Lê Quốc Duy	28/07/2004	Nam	Bình Định	A2	B208
28	A2-028	22641466	Trần Huỳnh Khánh Duy	18/09/2003	Nam	Vĩnh Long	A2	B208
29	A2-029	23600282	Trần Thị Khánh Duy	05/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B208
30	A2-030	22641364	Bùi Thị Mỹ Duyên	14/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B208
31	A2-031	22631058	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/02/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B208
32	A2-032	23600145	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	27/04/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B208
33	A2-033	22612024	Nguyễn Thị Phương Duyên	08/01/2004	Nữ	Long An	A2	B208

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-034	23600165	Trần Mỹ Duyên	10/08/2003	Nữ	Cà Mau	A2	B301
02	A2-035	22631418	Võ Lê Thị Mỹ Duyên	08/08/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B301
03	A2-036	22641719	Vòng Ngọc Mỹ Duyên	22/09/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
04	A2-037	23641016	Võ Thị Hồng Gấm	21/05/2000	Nữ	TP. HCM	A2	B301
05	A2-038	23641366	Huỳnh thị hương Giang	05/05/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
06	A2-039	23600080	Đỗ Thị Minh Hà	20/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
07	A2-040	22662025	Trần Thanh Hải	26/04/2004	Nam	TP. HCM	A2	B301
08	A2-041	23635020	Huỳnh Thị Ngọc Hân	14/12/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B301
09	A2-042	23600184	Ngô Nguyễn Ngọc Hân	14/11/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B301
10	A2-043	23600178	Nguyễn Lê Ngọc Hân	19/08/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B301
11	A2-044	22631022	Nguyễn Thị Ngọc Hân	06/03/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B301
12	A2-045	23600267	Trần Ngọc Thanh Hân	20/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
13	A2-046	22631261	Nguyễn Ngọc Gia Hân	19/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
14	A2-047	23635017	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/08/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
15	A2-048	23600076	Tô Thiên Hào	23/10/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B301
16	A2-049	23600190	Phạm Thị Thúy Hiền	30/09/2005	Nữ	Bình Dương	A2	B301
17	A2-050	22634012	Huỳnh Như Hiếu	30/01/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B301
18	A2-051	23600032	Dư Ngọc Hồ	07/03/2001	Nam	TP. HCM	A2	B301
19	A2-052	22641850	Ngũ Mẫn Hoa	18/12/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B301
20	A2-053	22611057	Du Kim Hồng	02/04/2000	Nữ	TP. HCM	A2	B301
21	A2-054	22641096	Sùng A Hồng	01/03/2001	Nam	Yên Bái	A2	B301
22	A2-055	23641265	Ngũ Mạnh Hùng	13/02/2005	Nam	Gia Lai	A2	B301
23	A2-056	23600159	Nguyễn Kim Hương	15/10/2005	Nữ	Long An	A2	B301
24	A2-057	23600197	Tạ Thị Hương	03/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
25	A2-058	23600101	Lương Quế Hương	27/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
26	A2-059	22611167	Nguyễn Thị Ngọc Hương	10/10/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
27	A2-060	22641687	Phạm Thị Xuân Hương	12/11/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B301
28	A2-061	21662016	Nguyễn Quốc Huy	14/10/2003	Nam	Tây Ninh	A2	B301
29	A2-062	22611204	Nguyễn Xuân Huy	06/09/2002	Nam	Đồng Nai	A2	B301
30	A2-063	20631110	Nguyễn Thị Lệ Huyền	12/03/2002	Nữ	Cần Thơ	A2	B301
31	A2-064	23631357	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	29/12/2005	Nữ	Vĩnh Long	A2	B301
32	A2-065	22611141	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12/03/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
33	A2-066	22631049	Phạm Thị Thanh Huyền	12/01/2002	Nữ	Gia Lai	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-067	23600083	Lê Thị Như Huỳnh	20/11/2004	Nữ	An Giang	A2	B302
02	A2-068	21612147	Nguyễn Ánh Kha	22/11/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
03	A2-069	22641463	Hoàng Nguyễn Duy Khang	21/10/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B302
04	A2-070	21641558	Lâm Quốc Khánh	02/09/2003	Nam	TP.HCM	A2	B302
05	A2-071	23651022	Liêu Nguyễn Quang Khánh	24/04/2004	Nam	TP. HCM	A2	B302
06	A2-072	18631469	Phạm Minh khiết	18/12/2000	Nam	TP. HCM	A2	B302
07	A2-073	18611010	Trần Nguyễn Anh Khoa	12/11/1999	Nam	TP. HCM	A2	B302
08	A2-074	23600304	Nguyễn Kiệt Kiệt	24/12/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
09	A2-075	22662050	Phan Tuấn Kiệt	19/10/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
10	A2-076	2116111882	Nguyễn Hà Ngọc Kim	23/10/1998	Nữ	TP. HCM	A2	B302
11	A2-077	22661083	Vương Gia Lạc	26/04/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
12	A2-078	21631329	Võ Thị Nhật Lam	06/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B302
13	A2-079	240000005	Nguyễn Thị Thuý Liễu	27/08/1988	Nữ	TP. HCM	A2	B302
14	A2-080	22631065	Nguyễn Thị Ngọc Linh	28/12/2004	Nữ	à Rịa-Vũng Tàu	A2	B302
15	A2-081	22641882	Nguyễn Tú Linh	18/02/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B302
16	A2-082	22611046	Trần Nhã Linh	07/06/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B302
17	A2-083	22611061	Trần Thị Trúc Linh	01/03/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
18	A2-084	23612037	Nguyễn Trần Khánh Linh	22/04/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
19	A2-085	23635001	Dương Mai Loan	24/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B302
20	A2-086	22641355	Nguyễn Huỳnh Tấn Lộc	10/10/2004	Nam	TP. HCM	A2	B302
21	A2-087	22611196	Trần Tuấn Lộc	16/06/2002	Nam	TP. HCM	A2	B302
22	A2-088	23600162	Trần Xuân Lợi Lợi	09/06/2001	Nữ	Bình Định	A2	B302
23	A2-089	22641718	Nguyễn Hữu Luân	03/12/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B302
24	A2-090	21662015	Lê Tấn Lực	02/04/2003	Nam	Khánh Hòa	A2	B302
25	A2-091	22641356	Trần Văn Lực	28/05/2004	Nam	Quảng Ngãi	A2	B302
26	A2-092	22631490	Nguyễn Thị Lưu Luyện	19/02/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B302
27	A2-093	23600071	Dương Thị Trúc Ly	30/04/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
28	A2-094	22641709	Nguyễn Thị Cẩm Ly	07/10/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
29	A2-095	22641452	Từ Dương Ngọc Mai	11/09/2004	Nữ	Long An	A2	B302
30	A2-096	22641220	Tia Trà Mi	23/10/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B302
31	A2-097	23641527	Nguyễn Tấn Minh	14/08/2003	Nam	Bình Dương	A2	B302
32	A2-098	22631196	Nguyễn Trần Đan Minh	22/07/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B302
33	A2-099	23631377	Trương Thị Bảo Minh	10/08/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-100	22612042	Lưu Thị Phước My	16/11/2003	Nữ	Long An	A2	B303
02	A2-101	22631350	Nguyễn Thị Trúc My	22/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
03	A2-102	22641859	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	24/12/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
04	A2-103	23631291	Nguyễn Hồng Ánh Nga	29/04/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
05	A2-104	22611038	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	06/03/2002	Nữ	Bình Định	A2	B303
06	A2-105	23600119	Hình Lê Tuyết Ngân	20/08/2005	Nữ	Long An	A2	B303
07	A2-106	22641366	Huỳnh Thị Kim Ngân	02/10/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B303
08	A2-107	23612009	Lã Thị Kim Ngân	10/04/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
09	A2-108	22611096	Phạm Thị Kim Ngân	22/11/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
10	A2-109	22641868	Trần Thanh Ngân	06/04/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B303
11	A2-110	21641811	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/10/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
12	A2-111	22641344	Bùi Thị Bảo Nghi	13/03/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B303
13	A2-112	21612076	Trương Gia Nghi	03/03/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B303
14	A2-113	22641273	Lê Tấn Nghĩa	01/05/2003	Nam	Bến Tre	A2	B303
15	A2-114	22641120	Nguyễn Thị Thu Ngoan	12/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
16	A2-115	22635107	Lâm Thị Mỹ Ngọc	26/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
17	A2-116	23600131	Nguyễn Thị Duy Ngọc	06/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
18	A2-117	22631476	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	21/06/2000	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
19	A2-118	22631030	Trần Thị Như Ngọc	01/01/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B303
20	A2-119	22641475	Võ Hồng Diễm Ngọc	19/08/2004	Nữ	Trà Vinh	A2	B303
21	A2-120	22631208	Võ Thị Thanh Ngọc	28/12/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B303
22	A2-121	23600091	Lê Thảo Nguyên	13/01/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B303
23	A2-122	22641050	Nguyễn Hoàng Nguyên	04/11/2002	Nam	Ninh Thuận	A2	B303
24	A2-123	23631380	Nguyễn Thị Thanh Nhân	15/12/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
25	A2-124	23641414	Bùi Nguyễn Thành Nhân	25/08/2005	Nam	Bình Thuận	A2	B303
26	A2-125	23641263	Nguyễn Trọng Nhân	15/08/2005	Nam	Bến Tre	A2	B303
27	A2-126	22611048	Nguyễn Văn Nhân	02/02/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
28	A2-127	22671018	Phạm Thành Nhân Nhân	15/06/2003	Nam	Long An	A2	B303
29	A2-128	22631583	Võ Thị Yến Nhi	24/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B303
30	A2-129	22635006	Lâm Thị Mỹ Nhiên	01/08/2002	Nữ	Sóc Trăng	A2	B303
31	A2-130	18631255	Hứa Bảo Nhơn	31/01/2000	Nữ	TP. HCM	A2	B303
32	A2-131	22631057	Đoàn Lê Chân Như	27/07/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
33	A2-132	22631295	Huỳnh Thị Ngọc Như	24/06/2004	Nữ	Long An	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-133	23641036	Lê Huỳnh Như	17/12/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
02	A2-134	23600166	Lê Thanh Như	09/02/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
03	A2-135	23641112	Nguyễn thị huỳnh Như	22/12/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B304
04	A2-136	23612024	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/11/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
05	A2-137	22641892	Phạm Đình Yên Như	14/12/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
06	A2-138	23641004	Phan Ngọc Quỳnh Như	03/12/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
07	A2-139	22611171	Trần Mai Ninh	22/05/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B304
08	A2-140	23641262	Đặng Hùng Phong	06/06/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B304
09	A2-141	22641216	Lâm Ngọc Phú	15/01/2004	Nam	Tây Ninh	A2	B304
10	A2-142	23641005	Nguyễn Duy Phú	13/08/2000	Nam	Gia Lai	A2	B304
11	A2-143	23600056	Thái Hoàng Phú	15/07/2003	Nam	TP. HCM	A2	B304
12	A2-144	23612016	Nguyễn Thị Kim Phụng	07/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
13	A2-145	2117000945	Trần Kim Phụng	17/07/1999	Nữ	TP. HCM	A2	B304
14	A2-146	23600168	Nguyễn Thị Bích Phương	27/11/2002	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
15	A2-147	23612022	Võ Minh Phương	22/10/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
16	A2-148	23641412	Lê Như Phương	08/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
17	A2-149	23651016	Lê Võ Triều Nguyên Quân	22/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
18	A2-150	22612104	Nguyễn Hoàng Quân	24/04/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
19	A2-151	22641331	Trần Lê Quang	07/02/2004	Nam	Đồng Nai	A2	B304
20	A2-152	22661086	Đào Anh Quốc	15/04/2004	Nam	à Rịa-Vũng Tàu	A2	B304
21	A2-153	2117000813	Phạm Minh Quý	23/08/1999	Nam	Bình Dương	A2	B304
22	A2-154	23641370	Đặng Thị Nhã Uyên	11/05/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
23	A2-155	22641846	Phan Võ Mỹ Uyên	02/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B304
24	A2-156	23631307	Trần Mỹ Uyên	15/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
25	A2-157	21611251	Đinh Nguyễn Thúy Quỳnh	30/12/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
26	A2-158	23612051	Đỗ Thị Thuý Quỳnh	29/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
27	A2-159	23631344	Hồ Diễm Quỳnh	02/10/2005	Nữ	Long An	A2	B304
28	A2-160	23641064	Hoàng Thị Quỳnh	16/04/2002	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
29	A2-161	23600008	Lương Xuân Quỳnh	01/12/2002	Nữ	Khánh Hòa	A2	B304
30	A2-162	22612115	Nguyễn Ngọc Mỹ Quỳnh	15/10/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
31	A2-163	22641803	Nguyễn Thị Quỳnh	28/06/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B304
32	A2-164	22631484	Quảng Thị Như Quỳnh	30/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
33	A2-165	23635036	Trần Thị Huyền Sương	23/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-166	22631020	Trương Thị Tuyết		Sương	28/01/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
02	A2-167	22641617	Đặng Dương Bằng		Tâm	15/05/2004	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
03	A2-168	22612074	Lưu Minh		Tâm	29/03/2004	Nam	TP. HCM	A2	B306
04	A2-169	23635063	Nguyễn Thành		Tâm	12/10/2005	Nam	TP. HCM	A2	B306
05	A2-170	22641194	Trần Văn		Tâm	09/06/2002	Nam	Long An	A2	B306
06	A2-171	22641076	Nguyễn Ngọc Tân		Tân	17/06/1996	Nam	TP. HCM	A2	B306
07	A2-172	23600060	Dương Tấn		Thành	05/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B306
08	A2-173	23651021	Đặng Thị Phương		Thanh	17/07/2002	Nữ	Gia Lai	A2	B306
09	A2-174	22631082	Diêu Thụy Thạch		Thảo	23/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
10	A2-175	23612045	Nguyễn Thị		Thảo	27/03/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
11	A2-176	23635059	Phan Thị Phương		Thảo	12/02/2005	Nữ	Long An	A2	B306
12	A2-177	22641721	Trần Ngọc Thanh		Thảo	16/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
13	A2-178	22612109	Trương Hồng		Thảo	04/02/2004	Nữ	Vĩnh Long	A2	B306
14	A2-179	22635112	Dương Đình		Thêm	13/01/2004	Nam	hừa Thiên Hu	A2	B306
15	A2-180	23641050	Nguyễn Thị Phương		Thi	13/06/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
16	A2-181	21641671	Mai Nhật		Thiên	26/09/2003	Nam	Tây Ninh	A2	B306
17	A2-182	22661071	Nguyễn Đăng Phước		Thiện	13/11/2004	Nam	Đà Nẵng	A2	B306
18	A2-183	21641602	Nguyễn Hoàng		Thông	12/06/1999	Nam	TP. HCM	A2	B306
19	A2-184	23600106	Vương Thị Kim		Thu	05/06/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
20	A2-185	22611220	Lê Hà		Thư	23/07/2004	Nữ	Long An	A2	B306
21	A2-186	20641907	Lê Huỳnh Anh		Thư	08/06/2002	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
22	A2-187	23600061	Nguyễn Minh		Thư	05/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
23	A2-188	23600075	Nguyễn Thị Minh		Thư	02/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
24	A2-189	22611024	Phùng Thị Anh Thư		Thư	25/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
25	A2-190	23635010	Phan Thị Hoài		Thương	05/11/2004	Nữ	Long An	A2	B306
26	A2-191	22611135	Lâm Thị Thu		Thúy	28/10/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B306
27	A2-192	23651010	Hoàng Thị Anh		Thùy	17/02/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B306
28	A2-193	22612073	Nguyễn Thị Ngọc		Thùy	28/02/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
29	A2-194	22612117	Trịnh Thanh		Thùy	22/10/2003	Nữ	Kon Tum	A2	B306
30	A2-195	21631444	Trần Thị Kim		Thủy	05/01/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B306
31	A2-196	23612031	Trần Dạ Bảo		Thy	24/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
32	A2-197	21631370	Tạ Ngọc Ánh		Tiên	27/03/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
33	A2-198	22641880	Tân Mỹ		Tiên	31/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
34	A2-199	23651009	Nguyễn Lâm Thuý		Tiên	11/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-200	22631214	Nguyễn Thị Tinh	05/04/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B308
02	A2-201	22662037	Trần Phước Toàn	29/08/2004	Nam	Long An	A2	B308
03	A2-202	22635010	Ngô Thị Phương Trâm	12/10/2000	Nữ	Phú Yên	A2	B308
04	A2-203	22631070	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/05/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
05	A2-204	23600250	Võ Thị Ngọc Trâm	01/12/2005	Nữ	An Giang	A2	B308
06	A2-205	22641381	Huỳnh Huệ Trân	30/09/2004	Nữ	Cà Mau	A2	B308
07	A2-206	22611126	Lê Ngọc Quế Trân	12/07/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
08	A2-207	22631499	Nguyễn Phúc Vân Trang	15/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
09	A2-208	21612200	Trần Thị Đoan Trang	28/10/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
10	A2-209	22631367	Vũ Kiều Trang	14/12/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B308
11	A2-210	22631014	Cao Thị Kim Trinh	16/04/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
12	A2-211	22631090	Đặng Kiều Trinh	25/03/2004	Nữ	Bình Định	A2	B308
13	A2-212	22631539	Lương Thị Thanh Trúc	18/02/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
14	A2-213	22641889	Nguyễn Thụy Trúc	27/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
15	A2-214	23612055	Trần Thị Kim Trúc	21/06/2005	Nữ	Long An	A2	B308
16	A2-215	22631087	Phạm Nhật Trường	24/04/2004	Nam	TP. HCM	A2	B308
17	A2-216	23631002	Trà Minh Tú	13/11/2002	Nam	Tiền Giang	A2	B308
18	A2-217	22641698	Lê Đức Tuấn	28/04/2003	Nam	TP. HCM	A2	B308
19	A2-218	23631084	Nguyễn Ngọc Cát Tường	11/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
20	A2-219	22641335	Nguyễn Thị Kim Tuyền	11/09/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
21	A2-220	23641449	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	30/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
22	A2-221	22631465	Vũ Thị Ánh Tuyết	02/10/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
23	A2-222	23600105	Lai Thị Thùy Vân	02/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
24	A2-223	22631064	Phạm Thị Thúy Vi	24/04/2002	Nữ	Cà Mau	A2	B308
25	A2-224	23612038	Trịnh Thị Lan Vi	12/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
26	A2-225	21641193	Nguyễn Quốc Việt	20/09/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B308
27	A2-226	22661085	Trương Hồng Vinh	11/09/2003	Nam	Long An	A2	B308
28	A2-227	22641384	Nguyễn Thủy Khánh Vy	09/01/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
29	A2-228	22641017	Phạm Nhật Vy	23/07/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
30	A2-229	22631209	Võ Ngọc Yển Vy	10/07/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B308
31	A2-230	22631203	Nguyễn Thị Thuý Vy	04/11/2004	Nữ	Long An	A2	B308
32	A2-231	23600150	Huỳnh Ngọc Như Ý	20/12/2002	Nữ	Long An	A2	B308
33	A2-232	23612044	Nguyễn Bùi Như Ý	13/11/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B308
34	A2-233	23635034	Trần Thị Như Ý	31/07/2005	Nữ	Long An	A2	B308

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-001	23613138	Lê Nam	Anh	01/11/2005	Nam	Kiên Giang	B1	B408
02	B1-002	20613054	Đoàn Công	Đạt	16/12/2002	Nam	Bình Dương	B1	B408
03	B1-003	23613046	Lê Thành	Đạt	25/11/2002	Nam	TP. HCM	B1	B408
04	B1-004	22613009	Nguyễn Đình	Duy	25/02/2003	Nam	Tiền Giang	B1	B408
05	B1-005	23613051	Hồ Thị Mỹ	Duyên	23/02/2005	Nữ	Vĩnh Long	B1	B408
06	B1-006	22613195	Từ Nguyễn Thuý	Duyên	23/05/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
07	B1-007	23641200	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	12/05/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B408
08	B1-008	22613097	Nguyễn Hồ Ngọc	Hân	10/06/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
09	B1-009	23613132	Lê Công	Hậu	31/05/2005	Nam	TP. HCM	B1	B408
10	B1-010	23613163	Nguyễn Hoàng	Hiệp	08/07/2005	Nam	Bình Phước	B1	B408
11	B1-011	23613097	Võ Trung	Hiếu	02/04/2005	Nam	Long An	B1	B408
12	B1-012	23613096	Đặng Quốc	Hung	15/06/2005	Nam	TP. HCM	B1	B408
13	B1-013	23600058	Bùi Quang	Huy	10/09/2000	Nam	TP. HCM	B1	B408
14	B1-014	23613161	Nguyễn Đình Tuấn	Huy	23/02/2005	Nam	TP. HCM	B1	B408
15	B1-015	24613205	Lê Hữu	Lợi	22/02/2025	Nam	An Giang	B1	B408
16	B1-016	24613044	Trần Quế	Mai	28/08/2006	Nữ	TP. HCM	B1	B408
17	B1-017	22613189	Đỗ Thị Thuý	Nga	07/07/2004	Nữ	Bình Thuận	B1	B408
18	B1-018	22661037	Nguyễn Thị Kim	Ngân	19/11/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
19	B1-019	23613157	Ngô Thị Yến	Ngọc	06/11/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B408
20	B1-020	21641540	Nguyễn Như	Ngọc	08/04/2000	Nữ	Long An	B1	B408
21	B1-021	23613093	Ngô Phương	Nhi	26/02/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
22	B1-022	21613069	Nguyễn Yến Nhi	Nhi	23/12/2002	Nữ	TP. HCM	B1	B408
23	B1-023	23613015	Phan Thị Kim	Nhi	31/12/2004	Nữ	Bình Phước	B1	B408
24	B1-024	23613141	Trần Hoàng	Phúc	14/07/2005	Nam	Long An	B1	B408
25	B1-025	23613146	Thạch Phú	Quý	31/01/2005	Nam	Trà Vinh	B1	B408
26	B1-026	23641304	Nguyễn Như	Quỳnh	05/12/2002	Nữ	Phú Yên	B1	B408
27	B1-027	24613197	Lê Thị Minh	Tài	28/08/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
28	B1-028	22613113	Trần Thị Phương	Thảo	04/04/2004	Nữ	Thanh Hóa	B1	B408
29	B1-029	23613099	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	04/08/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B408
30	B1-030	22641313	Lã Nguyễn Minh	Thư	19/12/2003	Nữ	TP. HCM	B1	B408
31	B1-031	22613162	Nguyễn Anh	Thư	18/10/2004	Nữ	Đồng Nai	B1	B408
32	B1-032	22661038	Nguyễn Trung	Tín	01/09/2002	Nam	TP. HCM	B1	B408
33	B1-033	23613072	Phan Trần Quốc	Toàn	22/07/2005	Nam	TP. HCM	B1	B408
34	B1-034	22613099	Hồ Huyền	Trang	06/11/2004	Nữ	Đắk Lắk	B1	B408
35	B1-035	20631496	Bùi Phương	Trinh	03/11/2002	Nữ	TP. HCM	B1	B408
36	B1-036	23613049	Lê Thị Mỹ	Trinh	24/10/2005	Nữ	Đắk Lắk	B1	B408
37	B1-037	22613091	Lâm Lan Đông	Trúc	03/09/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
38	B1-038	23613087	Phùng Thị Thanh	Trúc	08/02/2005	Nữ	Tiền Giang	B1	B408
39	B1-039	22613140	Nguyễn Phương	Uyên	26/10/2004	Nữ	Long An	B1	B408
40	B1-040	22613202	Huỳnh Thị Kiều	Vi	09/10/2004	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B408
41	B1-041	22613225	Lê Thuý	Vy	20/12/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B408
42	B1-042	22613185	Nguyễn Phi	Yến	29/04/2004	Nữ	An Giang	B1	B408

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B2-002	22621036	Nguyễn Ngọc Đan	25/01/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
02	B2-003	22621124	Đào Công Danh	03/11/2004	Nam	TP. HCM	B2	B808
03	B2-004	24621148	Trần Thị Cẩm Đào	04/04/2002	Nữ	Kiên Giang	B2	B808
04	B2-005	22621093	Bùi Lê Khánh Duy	01/06/2004	Nam	Tây Ninh	B2	B808
05	B2-006	22621081	Chan Thị Hạnh Duyên	10/11/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
06	B2-007	23621100	Lê Hữu Thái Hà	27/06/2005	Nữ	TP. HCM	B2	B808
07	B2-008	23621115	Trần Thanh Hoa	07/02/2004	Nữ	Kiên Giang	B2	B808
08	B2-009	21621181	Hoàng Thị Quỳnh Hương	11/01/2003	Nữ	Đồng Nai	B2	B808
09	B2-010	22621177	Nguyễn Thị Hoàng Lam	14/01/2003	Nữ	Bến Tre	B2	B808
10	B2-011	22621090	Nguyễn Thị Thảo Linh	01/01/2004	Nữ	Long An	B2	B808
11	B2-012	22621163	Bùi Thị Trúc Ly	24/12/2004	Nữ	Bình Thuận	B2	B808
12	B2-013	22621006	Đào Xuân Minh	22/06/1998	Nam	Lâm Đồng	B2	B808
13	B2-014	22621183	Lê Thị Diễm My	23/02/2004	Nữ	Bến Tre	B2	B808
14	B2-015	22621098	Phạm Khánh My	20/11/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
15	B2-016	23621008	Nguyễn Ngọc Thiên Nga	29/11/2004	Nữ	Đắk Nông	B2	B808
16	B2-017	22621064	Lê Nguyễn Như Ngọc	22/06/2004	Nữ	Vĩnh Long	B2	B808
17	B2-018	22621123	Nguyễn Bảo Ngọc	14/11/2004	Nữ	Tiền Giang	B2	B808
18	B2-019	22621111	Nguyễn Thị Phương Nguyên	20/05/2004	Nữ	Ninh Thuận	B2	B808
19	B2-020	22621157	Hoàng Nguyễn Yến Nhi	26/11/2004	Nữ	à Rịa-Vũng Tàu	B2	B808
20	B2-021	22621078	Phạm Thị Lan Nhi	29/04/2004	Nữ	Tiền Giang	B2	B808
21	B2-022	22621074	Lý Thị Tú Oanh	17/01/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
22	B2-023	21621223	Nguyễn Nữ Kiều Oanh	01/01/2003	Nữ	à Rịa-Vũng Tàu	B2	B808
23	B2-024	22621002	Nguyễn Khắc Thiện Phương	17/11/2001	Nữ	TP. HCM	B2	B808
24	B2-025	23621164	Trần Hữu Sang	28/09/2005	Nam	Cần Thơ	B2	B808
25	B2-026	21621014	Nguyễn Thị Minh Tâm	27/09/2002	Nữ	Quảng Bình	B2	B808
26	B2-027	22641877	Nguyễn Thanh Thảo	25/01/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
27	B2-028	21621131	Trần Thanh Thảo	28/02/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B808
28	B2-029	22621025	Phạm Minh Thi	11/10/2002	Nữ	TP. HCM	B2	B808
29	B2-030	22621077	Trần Thị Anh Thơ	01/11/2004	Nữ	Tiền Giang	B2	B808
30	B2-031	22621082	Nguyễn Hà Anh Thư	28/07/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808
31	B2-032	21621233	Nguyễn Thái Nhật Thủy	06/03/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B808
32	B2-033	21621196	Phạm Kim Thủy	02/03/2003	Nữ	Cà Mau	B2	B808
33	B2-034	22621023	Đặng Thúy	15/09/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B808
34	B2-035	21621139	Cao Thuý Trâm	21/04/2003	Nữ	TP. HCM	B2	B808
35	B2-036	20621276	Lê Phương Trang	12/08/2001	Nữ	à Rịa-Vũng Tàu	B2	B808
36	B2-037	22621008	Hồ Cẩm Vân	28/01/2000	Nữ	TP. HCM	B2	B808
37	B2-038	21621159	Nguyễn Thị Khánh Vy	11/07/2002	Nữ	Đồng Nai	B2	B808
38	B2-039	22621069	Nguyễn Như Ý	30/04/2004	Nữ	Cà Mau	B2	B808
39	B2-040	22621066	Hồng Bảo Yến	30/08/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B808

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
(TIẾNG HÀN QUỐC)

Khóa thi ngày: 23/3/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	TH-001	22622029	Văn Thị Huỳnh Mai	22/11/2004	Nữ	TP. HCM	TOPIK II	B402
02	TH-001	22622032	Nguyễn Thị Thanh Ngân	18/11/2004	Nữ	Long An	TOPIK II	B402
03	TH-001	21622008	Trương Quỳnh Như	18/09/1995	Nữ	TP. HCM	TOPIK II	B402
04	TH-001	23622009	Lê Thị Thanh Thảo	11/09/1999	Nữ	TP. HCM	TOPIK II	B402
05	TH-001	22622037	Mai Ngọc Trâm	18/06/2004	Nữ	Đồng Nai	TOPIK II	B402
06	TH-001	22622028	Văn Thị Huỳnh Ý	22/11/2004	Nữ	TP. HCM	TOPIK II	B402

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.